

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST

Ngày 02/6/2021

V/v tranh chấp hợp
đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thạch.
2. Bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2020/TLST-DS, ngày 22/12/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-DS ngày 05/4/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST-DS ngày 19/4/2021; thông báo về việc hoãn xét xử sơ thẩm vụ án dân sự số 30/TB-TA ngày 07/5/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 37/TB-TA ngày 27/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng S); trụ sở: 266 – 268 đường N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Thái Thị L, chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng S - Chi nhánh Quảng Ngãi, địa chỉ: **Số 449 đường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi** (là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng S và số 17b/2021/QUQ-QNI ngày 15/3/2021 của Giám đốc Ngân hàng S - Chi nhánh Quảng Ngãi); có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1982, địa chỉ: Xóm M, thôn Y, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

2.2. Bà Trần Thị Minh Th, sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm X, Thôn Đ, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1953, bà Trịnh Thị Tr, sinh năm 1960; cùng địa chỉ: Xóm M, thôn Y, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

3.2. Ông Nguyễn Hồng Ph, sinh năm 1985, bà Hồ Thị H, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: Xóm M, thôn Y, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 06/10/2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Thái Thị Lan là đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày:*

Ngân hàng S cho Bà Trần Thị Minh Th, Ông Nguyễn Hồng Th (sau đây viết tắt là bà Th, ông Th) vay tiền theo các hợp đồng:

Hợp đồng cho vay số LD2000900082 ngày 09/01/2020 với số tiền vay 430.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi triệu đồng); mục đích để bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay 12 tháng; lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ; ông Th, bà T đã nhận nợ theo giấy nhận nợ số LD2000900082 ngày 14/01/2020, ngày đáo hạn: 14/01/2021.

Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho bà Trần Thị Minh T với hạn mức là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay nêu trên bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 4, tờ bản đồ số 89, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là thửa đất số 4) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 955701, vào sổ số CH 03081 do Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 30/12/2014; hợp đồng thế chấp đã được Văn phòng Công chứng Bình Sơn công chứng số 3441, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/12/2015, đồng thời tài sản này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 04/01/2016 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh huyện S.

Sau khi vay tiền thì bà Th, ông T thường xuyên vi phạm hợp đồng, việc trả nợ của bà Th, ông T thường trễ hạn và dẫn đến nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Th, ông T trả cho Ngân hàng S số tiền nợ tính đến ngày 01/6/2021 là 433.397.510 đồng (bốn trăm ba mươi ba triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm mười đồng), trong đó nợ gốc 405.000.000 đồng, lãi trong hạn 9.335.477 đồng, lãi quá hạn 11.555.806 đồng, dư nợ thế tín dụng 7.506.227 đồng và tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng cho vay, hợp đồng cấp thế tín dụng từ ngày 02/6/2021 đến lúc bà Th, ông T trả hết nợ cho Ngân hàng S.

Trong trường hợp bà Th, ông T không trả nợ cho Ngân hàng S thì xử lý tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 4 nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng S. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà Th, ông T tiếp tục nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S đến khi hết nợ.

** Tại các bản tự khai ngày 13/01/2021, 17/3/2021, biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Trần Thị Minh Th, ông Nguyễn Hồng T trình bày:*

Ông bà có vay tiền và có thế chấp tài sản đúng như đại diện Ngân hàng S trình bày. Sau khi vay vốn thì ông bà cho người khác vay lại tiền để họ đầu tư đóng tàu đánh bắt hải sản, tuy nhiên trong năm 2020 thì tàu đánh bắt hải sản của họ bị cháy nên họ không có tiền trả cho ông bà, dẫn đến ông bà không có điều kiện để trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng S

Nay Ngân hàng S khởi kiện thì bà thống nhất với số tiền nợ đã nêu, do hiện nay hoàn cảnh kinh tế cũng rất khó khăn nên ông bà không đủ điều kiện trả nợ cho Ngân hàng S, ông bà đề nghị ngân hàng và Tòa án tạo điều kiện thời gian để gia đình ông bà bàn bạc, thu xếp việc trả nợ.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **Ông Nguyễn Hồng Đ**, bà **Trịnh Thị Tr** trình bày:*

Ông bà là cha mẹ đẻ của anh T; ông bà có tặng cho ông T, bà Th quyền sử dụng thửa đất số 4 và đã hoàn thành thủ tục đăng ký biến động. Sau đó ông T, bà Th thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 4 để vay tiền như đại diện Ngân hàng S trình bày. Việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên thì ông bà cũng như anh Ph, chị H đều biết, chấp nhận việc thế chấp này và không có ý kiến phản đối gì.

Ông T, bà Th vay tiền của Ngân hàng S mục đích là để cho em gái ông T vay lại đóng tàu đánh bắt hải sản, tuy nhiên tàu bị cháy nên không thể trả lại tiền vay, dẫn đến ông T, bà Th không có điều kiện để trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng S.

Do hiện nay hoàn cảnh kinh tế của ông T, bà Th rất khó khăn nên không đủ điều kiện trả nợ cho Ngân hàng S, ông bà đề nghị Ngân hàng S và Tòa án tạo điều kiện thời gian để ông T, bà Th trả dần khoản nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **Ông Nguyễn Hồng Ph**, bà **Hồ Thị H** không có văn bản trình bày ý kiến.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự thủ tục phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về tranh chấp hợp đồng tín dụng; buộc bà Th, ông T trả cho Ngân hàng S số tiền nợ tính đến ngày 01/6/2021 là

433.397.510 đồng (bốn trăm ba mươi ba triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm mười đồng), trong đó nợ gốc 405.000.000 đồng, lãi trong hạn 9.335.477 đồng, lãi quá hạn 11.555.806 đồng, dư nợ thẻ tín dụng 7.506.227 đồng và tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng cho vay, hợp đồng cấp thẻ tín dụng từ ngày 02/6/2021 đến lúc bà Th, ông T trả hết nợ cho Ngân hàng S. Trong trường hợp bà Th, ông T không trả nợ cho Ngân hàng S thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng S; ông T, bà Th phải chịu án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn là bà Th, ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tr, bà H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ph vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ph, bà H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không phản đối các tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn (Ngân hàng S) và các đương sự khác đưa ra, cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ, không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Th, ông T thừa nhận ông bà có vay tiền, có thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay và không trả nợ đúng hạn như đại diện Ngân hàng S khởi kiện, trình bày nêu trên. Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Căn cứ Hợp đồng cho vay số LD2000900082 ngày 09/01/2020, các giấy nhận nợ do Ngân hàng S cung cấp, có đủ cơ sở xác định Ngân hàng S cho bà Th, ông T vay số tiền 430.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi triệu đồng)

để sử dụng bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay 12 tháng kể từ khi nhận nợ, phương thức lãi trả hàng tháng, nợ gốc trả cuối kỳ.

Ngoài ra, Ngân hàng S còn cấp hạn mức tín dụng cho bà Th số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng.

[2.3] Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1536500002 ngày 31/12/2015 và các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Th, ông T thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 4 để đảm bảo các khoản vay đã nêu, đồng thời có văn bản cam kết toàn bộ công trình xây dựng trên đất cũng là tài sản thế chấp; ngoài ra, theo ông Đ, bà Tr trình bày là khi thế chấp tài sản thì ông Đ, bà Tr và anh Ph, chị H đều biết và đồng ý với việc thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay nêu trên.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên đã được Văn phòng Công chứng Bình Sơn công chứng và đã đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh huyện S theo đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực.

[2.4] Theo bảng kê chi tiết lịch sử trả nợ do Ngân hàng S thể hiện bà Th, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng S nên khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 16/11/2020.

Sau khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, bà Th, ông T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S.

Tính đến ngày 01/6/2021, bà Th, ông T còn nợ Ngân hàng S số tiền là 433.397.510 đồng (bốn trăm ba mươi ba triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm mười đồng), trong đó nợ gốc 405.000.000 đồng, lãi trong hạn 9.335.477 đồng, lãi quá hạn 11.555.806 đồng, dư nợ thẻ tín dụng 7.506.227 đồng.

[2.5] Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bà Th, ông T trả nợ nêu trên là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng cho vay số LD2000900082 ngày 09/01/2020 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, buộc bà Th, ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền nợ nêu trên và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 02/6/2021 theo mức lãi suất đã thỏa

thuận trong hợp đồng cho vay, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đến khi thanh toán xong khoản vay.

Trong trường hợp bà Th, ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng S; sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để trả nợ thì bà Th, ông T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả xong nợ.

[2.6] Về chi phí tố tụng: Bà Th và ông T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Ngân hàng S đã tạm ứng chi phí tố tụng 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) nên bà Th, ông T có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng S.

[2.7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[2.7.1] Bà Th, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.336.000 đồng (hai mươi một triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[2.7.2] Hoàn trả lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng S.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 144, 147, 157, 158, 227, 228, 235, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Buộc bà Trần Thị Minh Th và ông Nguyễn Hồng T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tính đến ngày 01/6/2021 là 433.397.510 đồng (bốn trăm ba mươi ba triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm mười đồng), trong đó nợ gốc 405.000.000 đồng, lãi trong hạn 9.335.477 đồng, lãi quá hạn 11.555.806 đồng, dư nợ thẻ tín dụng 7.506.227 đồng và có nghĩa vụ tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 02/6/2021 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LD2000900082 ngày

09/01/2020, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản vay.

2. Trường hợp bà Trần Thị Minh Th và ông Nguyễn Hồng T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền yêu cầu cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, bao gồm: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 89, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (đã được Ủy ban nhân dân huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 955701, vào sổ số CH 03081 ngày 30/12/2014) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1536500002 ngày 31/12/2015 đã được Văn phòng Công chứng Bình Sơn công chứng số 3441, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/12/2015, các văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 89, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp nếu không đủ để trả nợ thì bà Trần Thị Minh Th và ông Nguyễn Hồng T có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ theo hợp đồng cho vay, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng nêu trên cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

4. Buộc bà Trần Thị Minh Th và ông Nguyễn Hồng T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

5. Buộc bà Trần Thị Minh Th và ông Nguyễn Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.336.000 đồng (hai mươi một triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng)

6. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 10.853.000 đồng (mười triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0003525 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S;
- CCTHADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Đô

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Lan

Bùi Tấn Ba

Nguyễn Văn Đô

